

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 60/2024/QĐST-DS

H, ngày 24 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 335/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Phan Thị Thu H1, sinh năm 1980.

Ông Võ Quang M, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Z, xã W, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo H2, sinh năm 1963 (theo văn bản ủy quyền đề ngày 21/11/2023).

Địa chỉ: Khu phố I, thị trấn R, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

- Ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T các khoản tiền sau:

+ Số tiền vay hiện còn nợ (nợ gốc) là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) - đây là số tiền mà ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 còn nợ của ông T theo giấy thỏa thuận mượn tiền đề ngày 03/6/2019 và ngày 27/10/2017 có chữ ký ghi họ tên “Võ Quang M”; “Phan Thị Thu Hà”;

+ Số tiền lãi còn nợ các tháng 12/2021, tháng 8/2022 và tiền lãi từ ngày 27/4/2023 đến ngày 15/5/2024 với số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Ngoài ra, kể từ ngày 16/5/2024, ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 1,6%/tháng.

- Về phương thức trả nợ:

Đối với số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/5/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền nợ gốc: Mỗi tháng ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/tháng (bao gồm cả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh trong tháng) cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ nói trên; thời gian trả tiền vào ngày 15 hàng tháng, trả nợ lần đầu là ngày 15/5/2024.

Đối với số tiền lãi mà ông Minh, bà Hương còn nợ của ông T các tháng 12/2021, tháng 8/2022 và tiền lãi từ ngày 27/4/2023 đến ngày 25/4/2024, hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng trong thời hạn 07 (Bảy) ngày, thời hạn tính từ ngày 15/05/2024.

Trường hợp ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ như cam kết nói trên hoặc có hành vi tẩu tán tài sản thì ông Lê Văn T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án buộc ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 thi hành toàn bộ các khoản tiền còn nợ (bao gồm nợ gốc và các khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận nói trên).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về án phí:

Ông Võ Quang M và bà Phan Thị Thu H1 phải chịu 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Lê Văn T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai tạm ứng án phí số 0014326 ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Lưu: hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đỗ Quốc Hội